TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/DS-ST
Ngày: 07/12/2023
V/v: " Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Chuyển giao nghĩa vụ dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Quyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Dung.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Đặng Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* và *"Chuyển giao nghĩa vụ dân sự"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-DS ngày 22/11/2023, giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn*: Ông **Võ Văn Ú;** sinh năm: 1967 *(có mặt).*
Địa chỉ: Thôn T-B-Đ, xã C-S, huyện Ph-C, BĐ.

- *Bị đơn* : Ông **Đào Thanh H**; sinh năm 1965 *(có mặt).*
Bà **Nguyễn Thị X**; sinh năm 1967 *(vắng mặt).*
Địa chỉ: Thôn Đ-Kh, xã C-L, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Phan Thị H**; sinh năm: 1969 *(có mặt).*
Địa chỉ: Thôn T-B-Đ, xã C-S, huyện Ph-C, BĐ.

2. Anh **Đào Thanh Đ**; sinh năm 1990 *(vắng mặt)*.
3. Chị **Huỳnh Thị Bích L**; sinh năm 1996 *(vắng mặt)*.
Địa chỉ: Thôn Đ-Kh, xã C-L, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 29/5/2023, sửa đổi bổ sung ngày 26/6/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn ông Võ Văn Ú trình bày:*

Năm 2020 vợ chồng anh Đào Thanh Đ, chị Huỳnh Thị Bích L (con trai và con dâu của vợ chồng ông Đào Thanh H, bà Nguyễn Thị X) vay của vợ chồng ông 170.000.000 đồng để vợ chồng anh Định sử dụng vào mục đích mua máy cày. Lãi suất hai bên thuận là 3%/tháng. Thời hạn vay không thỏa thuận cụ thể. Sau khi vay, vợ chồng anh Đ trả tiền lãi cho vợ chồng ông 02 tháng thì không trả nữa. Từ năm 2020 đến tháng 10/2022 vợ chồng ông đòi nợ gốc nhiều lần nhưng vợ chồng anh Đ không có khả năng trả nợ.

Trước ngày 21/10/2022, nhân sự kiện đám giỗ tại nhà chồng con gái vợ chồng ông, ông Đào Thanh H (cha anh Đ) hỏi vay của vợ chồng 100.000.000 đồng để vợ chồng ông H sử dụng số tiền này nộp tiền sử dụng đất, xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất vườn thành đất ở. Ông H hứa với vợ chồng ông rằng, sau khi được phép chuyển mục đích sử dụng, vợ chồng ông sẽ tách thửa đất này ra thành nhiều thửa để chia cho các con. Còn lại 01 thửa sẽ chuyển nhượng cho người khác để lấy tiền trả lại cho vợ chồng ông 100.000.000 đồng và trả nợ thay cho vợ chồng anh Đ, chị L 170.000.000 đồng đã vay năm 2020. Vì là chỗ thông gia nên vợ chồng ông tin tưởng, đồng ý cho vợ chồng ông H vay tiền. Ngày 21/10/2022, tại nhà vợ chồng ông H, bà X, vợ chồng ông đã giao cho vợ chồng ông H vay 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*. Ngay sau khi giao, nhận 100.000.000 đồng, vợ chồng ông H ký giấy vay của vợ chồng ông 270.000.000 đồng đề ngày 21/10/2022. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 9,2%/năm (tương ứng với 0,766%/tháng). Vợ chồng ông H, bà X cam kết sẽ trả nợ gốc 270.000.000 đồng trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày 21/10/2022. Cùng ngày vợ chồng ông H giao cho vợ chồng ông bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Ph-C cấp cho hộ gia đình ông H ngày 26/7/1996 để làm tin. Sau khi ký giấy vay tiền, vợ chồng ông H trả lãi cho vợ chồng ông được 03 tháng (đối với số tiền gốc 100.000.000 đồng) thì không trả lãi nữa. Đến thời hạn thanh toán nợ gốc, vợ chồng ông H cũng không thanh toán nên vợ chồng ông đến nhà đòi nợ nhiều lần, nhưng ông H, bà X đưa ra nhiều lý do để khất nợ, sau đó tuyên bố không trả, thậm chí thách thức.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc vợ chồng ông Đào Thanh H, bà Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông 270.000.000 đồng tiền gốc; đồng thời buộc vợ chồng ông H phải trả tiền lãi từ ngày 22/01/2023 đến nay theo mức lãi suất 9,2%/năm đối với khoản tiền 100.000.000 đồng mà vợ chồng ông H đã vay của vợ chồng ông vào ngày 21/10/2022. Đối với khoản nợ 170.000.000 đồng chuyển nghĩa vụ trả nợ từ vợ chồng anh Đ, chị L sang vợ chồng ông H, bà X thì ông không yêu cầu tính lãi mà chỉ yêu cầu trả nợ gốc.

** Tại bản tự khai ngày 11/8/2023 và các lời khai tiếp theo, bị đơn vợ chồng ông Đào Thanh H, bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Vợ chồng ông thừa nhận toàn bộ nội dung lời trình bày của nguyên đơn ông Võ Văn Ú là đúng. Thực tế, mục đích vợ chồng ông vay của vợ chồng ông Ú 100.000.000 đồng là để thi hành án đối với khoản nợ của bà N (không nhớ đầy đủ họ, tên) mà vợ chồng ông phải có nghĩa vụ thi hành sau khi Quyết định

của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Sau khi ký giấy mượn tiền ghi ngày 21/10/2022, vợ chồng ông giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông cho vợ chồng ông Ú giữ để làm tin.

Nay ông Ú khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả 270.000.000 đồng tiền gốc và trả lãi từ ngày 21/01/2023 đến nay với mức lãi suất 9,2% năm đối với khoản nợ gốc 100.000.000 đồng thì ý kiến của vợ chồng ông như sau: Vợ chồng ông chấp nhận trả cho vợ chồng ông Ú, bà H tổng cộng 02 khoản nợ gốc là 270.000.000 đồng, trong đó có 100.000.000 đồng vợ chồng ông vay ngày 21/10/2022 và nhận nghĩa vụ trả nợ thay cho vợ chồng anh Đ, chị L là 170.000.000 đồng; chấp nhận trả tiền lãi đối với dư nợ gốc 100.000.000 đồng từ ngày 21/01/2023 đến nay. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng ông không có khả năng trả nợ một lần nên vợ chồng ông yêu cầu vợ chồng ông Ú phải trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Ph-C cấp cho hộ gia đình ông vào ngày 26/7/1996; số vào sổ cấp GCN: 314/QSDĐ/E_2 để vợ chồng ông thế chấp ngân hàng vay tiền trả nợ cho vợ chồng ông Ú 100.000.000 đồng. Đối với 170.000.000 đồng nhận nghĩa vụ trả thay cho vợ chồng anh Đ thì vợ chồng ông xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Tại bản tự khai ngày 12/7/2023 và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H trình bày:*

Bà là vợ ông Võ Văn Ú, bà thống nhất toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Ú nên không trình bày bổ sung gì thêm.

** Tại bản tự khai ngày 18/8/2023 và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Thanh Đ trình bày:*

Trong năm 2019 vợ chồng anh có vay tiền của vợ chồng bà H, ông Ú 02 lần với tổng số tiền là 100.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích mở quán ốc và một phần chi phí vào mục đích mua bán. Khi vay, vì mong muốn vợ chồng bà H tin tưởng cho vay tiền nên vợ chồng anh nói với vợ chồng bà H rằng, vợ chồng anh vay tiền để sử dụng vào mục đích mua máy cày. Lãi suất vay các bên thỏa thuận là 3%/tháng; thời hạn vay không thỏa thuận cụ thể. Sau khi vay, vợ chồng anh trả lãi khoảng 3-4 tháng thì anh bị Công an thành phố K-T, tỉnh K-T bắt tạm giam về tội "Chống người thi hành công vụ". Sau khi anh bị bắt tạm giam, anh nghe chị L kể lại rằng, hàng tháng chị L trả tiền lãi đầy đủ cho vợ chồng bà H. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, (không nhớ chính xác vào thời gian nào), anh có viết cho bà H 01 giấy nhận nợ với tổng số nợ là 170.000.000 đồng. Sở dĩ anh viết giấy nhận nợ ghi tổng số tiền vay 170.000.000 đồng là vì từ đầu năm 2021 trở về sau vợ chồng anh không có tiền trả lãi nên anh tự nguyện ghi thêm cho bà H 70.000.000 đồng để cộng vào nợ gốc. Do vợ chồng bà H đòi nợ nhiều lần, nhưng vợ chồng anh không có khả năng trả nợ nên trước ngày 21/10/2022 anh liên hệ với vợ chồng bà H đề nghị cho cha mẹ anh là ông H, bà X vay 100.000.000 đồng. Mục đích cha mẹ anh vay số tiền này là để chi phí cho việc tách thửa đất của cha mẹ anh thành nhiều thửa, bán một thửa trả nợ cho vợ chồng bà H. Ngày 21/10/2022, vợ chồng ông Ú đến nhà cha mẹ anh

giao 100.000.000 đồng cho cha mẹ anh vay. Cùng ngày, cha mẹ anh cùng ký vào giấy mượn tiền 270.000.000 đồng do ông Võ Văn Ú viết sẵn nội dung. Việc ông H, bà X lãnh nghĩa vụ trả thay 170.000.000 đồng cho vợ chồng anh có sự thống nhất giữa cha mẹ anh, vợ chồng anh và vợ chồng bà H, nhưng khi ký vào giấy vay tiền thì anh và con trai của ông Ú là Võ Đại S cùng ký vào mục người chứng kiến. Thời điểm này vợ anh đi làm không có ở nhà, nhưng chị L biết rõ việc này.

Nay ông Ú khởi kiện yêu cầu cha mẹ anh trả 270.000.000 đồng thì anh thống nhất với ý kiến của cha mẹ anh về cách thức trả nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Bích L đã nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị L cố ý lẩn tránh, không đến Tòa án tham gia tố tụng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng:

[1.1] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị X có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bị đơn bà Nguyễn Thị X phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh Đào Thành Đ, chị Huỳnh Thị Bích L đã được Tòa án thông qua chính quyền địa phương tống đạt hợp lệ các Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vợ chồng anh Đ, chị L cố ý lẩn tránh, vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Vợ chồng anh Đ, chị L phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 21/10/2022, vợ chồng ông Đào Thanh H, bà Nguyễn Thị X ký nhận "Giấy mượn tiền" do ông Võ Văn Ú soạn thảo nội dung bằng giấy viết tay. Theo đó, vợ chồng ông H vay của vợ chồng ông Ú, bà H 270.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng. Trong nội dung "Giấy mượn tiền" không thể hiện lãi suất, nhưng các đương sự thống nhất lãi suất cho vay là 9,2%/năm. Sau khi vay, vợ chồng ông H trả lãi đối với dư nợ gốc 100.000.000 đồng đến ngày 20/01/2023 thì không trả nữa. Đến thời hạn trả nợ gốc, ông H, bà X cũng không thanh toán nên ông Ú khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà X phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Ú 270.000.000 đồng tiền gốc và tính lãi từ ngày 21/01/2023 đến nay đối với 100.000.000 đồng. Bị

đơn vợ chồng ông H chấp nhận trả cho vợ chồng ông Ú 270.000.000 đồng, nhưng không có khả năng trả nợ một lần nên ông H yêu cầu vợ chồng ông Ú trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Ph-C cấp cho hộ gia đình ông vào ngày 26/7/1996 để vợ chồng ông thế chấp Ngân hàng vay tiền trả nợ cho vợ chồng ông Ú 100.000.000 đồng. Còn lại 170.000.000 đồng thì vợ chồng ông xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nguyên đơn không chấp nhận phương án trả nợ theo yêu cầu của bị đơn.

[2.1] Xét quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, vợ chồng ông Ú, bà H, vợ chồng ông H, bà X và anh Đào Thanh Đ đều thừa nhận, trong số nợ 270.000.000 đồng nêu trên có 100.000.000 đồng do ông H, bà X vay của vợ chồng ông Ú vào ngày 21/10/2022 với mức lãi suất 9,2%/năm. Còn lại 170.000.000 đồng là khoản nợ do vợ chồng anh Đ, chị L vay của vợ chồng ông Ú, bà H vào năm 2020. Do vợ chồng anh Đ không có khả năng thanh toán nợ nên ngày 21/10/2022 ông H, bà X lãnh nghĩa vụ trả thay, cam kết trả toàn bộ số nợ 270.000.000 đồng trong thời hạn 6 tháng (ngày cuối cùng phải trả nợ là 21/4/2023). Xét việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ dân sự nêu trên được các bên xác lập bằng giấy vay tiền mới thay thế, có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ, bên thế nghĩa vụ và bên có quyền, phù hợp với quy định tại các Điều 274, 283 và Điều 370 của Bộ luật dân sự - 2015 nên việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ dân sự nêu trên phát sinh hiệu lực. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ đã cam kết, vợ chồng ông H không trả nợ gốc 100.000.000 đồng và không thực hiện nghĩa vụ trả thay cho anh Đh, chị L 170.000.000 đồng là vi phạm hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ dân sự đã được chuyển giao. Vì vậy, ông Ú khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà X phải có nghĩa vụ trả 270.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2] Ngoài ra, ông Úc yêu cầu ông H, bà X phải có nghĩa vụ trả tiền lãi từ ngày 21.01.2023 đến nay đối với dư nợ gốc 100.000.000 đồng mà vợ chồng ông H vay ngày 21/10/2022 với mức lãi suất 9,2%/năm. Yêu cầu trả nợ lãi của ông Ú được phía bị đơn chấp nhận, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Tòa án chấp nhận. Tiền lãi vợ chồng ông H, bà X phải trả được tính như sau: Mức lãi suất thỏa thuận 9,2%/năm tương ứng với 0,767%/tháng. Từ ngày 21/01/2023 đến nay là 10 tháng 16 ngày: 100.000.000 đồng x 10 tháng 16 ngày x 0,767%/tháng = 8.079.000 đồng.

[2.3] Như vậy, Tòa án xét buộc vợ chồng ông H, bà X phải có nghĩa vụ trả cho ông Ú, bà H tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 278.079.000 đồng. Việc ông H, bà X xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ không được nguyên đơn chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án bác yêu cầu xin trả dần của bị đơn.

[3] Hợp đồng vay tài sản và chuyển giao nghĩa vụ dân sự giữa vợ chồng ông Úc, bà Hoa với vợ chồng ông H, bà X và vợ chồng anh Đ, chị L đều không có biện pháp bảo đảm, nhưng sau khi vay tiền và thế nghĩa vụ trả nợ, ông H, bà X tự nguyện giao cho vợ chồng ông Ú Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Ph-C, tỉnh B-Đ cấp cho hộ gia đình ông H ngày 26/7/1996 để làm

tin. Vì vậy, sau khi vợ chồng ông H, bà X thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ 278.079.000 đồng thì buộc vợ chồng ông Ú, bà H phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H.

[4] Theo anh Đào Thanh Đ trình bày, vợ chồng anh chỉ vay của vợ chồng ông Ú 100.000.000 đồng tiền gốc, nhưng từ năm 2021 đến năm 2022 vợ chồng anh không có khả năng trả lãi cho vợ chồng ông Ú, bà H nên anh tự nguyện ghi nhận nợ thêm 70.000.000 đồng để cộng vào nợ gốc thành 170.000.000 đồng. Lời trình bày của anh Đ không được ông Ú, bà H thừa nhận, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án anh Đ cũng không chứng minh được lời trình bày của mình là có căn cứ. Mặt khác, các bên cũng không tranh chấp đối với khoản nợ nêu trên nên Tòa án không xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Đồng thời, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, các Điều 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 274, 283, 370, các Điều 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự - 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Ú về việc yêu cầu vợ chồng ông Đào Thành H, bà Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Ú, bà H 270.000.000 đồng tiền gốc và tính lãi từ ngày 21/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm đối với dự nợ gốc 100.000.000 đồng.

1.1. Buộc vợ chồng ông Đào Thanh H, bà Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Võ Văn Ú, bà Phan Thị H 278.079.000 đồng *(Hai trăm bảy mươi tám triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng);* trong đó nợ gốc là 270.000.000 đồng, nợ lãi là 8.079.000 đồng.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của vợ chồng ông Đào Thanh H, bà Nguyễn Thị X.

1.3. Buộc vợ chồng ông Võ Văn Ú, bà Phan Thị H phải trả lại cho vợ chồng ông Đào Thanh H, bà Nguyễn Thị X bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Ph-C, tỉnh B-Đ cấp cho hộ gia đình ông H ngày 26/7/1996; số vào sổ cấp GCN: 314/QSDĐ/E_2 sau khi ông H, bà X thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên.

2. Án phí DSST: Buộc vợ chồng ông Đào Thanh H, bà Nguyễn Thị X phải chịu 13.904.000 đồng *(Mười ba triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng chẵn)* án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát tỉnh Bình Định hoàn trả lại cho ông Võ Văn Ú 6.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012004 ngày 12/7/2023.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày vợ chồng ông Võ Văn Ú, bà Phan Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà vợ chồng ông Đào Thanh H, bà Nguyễn Thị X không thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền trên thì vợ chồng ông H, bà X còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự (20%/năm) tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận tống đạt trực tiếp hoặc niên yết công khai bản án.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND huyện Phù Cát;
- THADS huyện Phù Cát;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đình Quyến